

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DSPT

Ngày: 18/01/2022

V/v “*Tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.
- *Các Thẩm phán:* Bà Đỗ Thị Thắm.

Ông Phan Minh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Võ Thị Lệ Giang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 05 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương L; cư trú tại: Xóm Thọ Phú B, thôn Thọ L 1, xã Nhơn Th, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Anh Nguyễn Quốc Th; cư trú tại: Số 243/27/32/10 đường Mã L, phường B, quận Bình T, TP. Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019 và Giấy ủy quyền ngày 06/5/2020).

2. Chị Trương Thị Hồng Ph; cư trú tại: Số 1.16, Lô A, chung cư Khang G, đường Quang Tr, phường 14, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

3. Chị Trương Thị Mỹ H; cư trú tại: Thôn Thọ L 1, xã Nhơn Th, thị xã A, tỉnh Bình Định (Theo giấy ủy quyền số 4515 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/8/2020 tại Phòng Công chứng B).

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị H.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Chị Nguyễn Thị H1 (văn bản ủy quyền ngày 02/6/2021)

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Hữu T: Anh Phan Hữu D (văn bản ủy quyền ngày 17/01/2020)

Cùng cư trú tại: Xóm Thọ Phú Tr, thôn Thọ L 1, xã Nhơn Th, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H: Luật sư Hoàng Trọng Qu – Văn phòng Luật sư Hoàng Trọng Qu – Đoàn Luật sư Bình Định.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phan Hữu T1.
2. Anh Phan Hữu L1.
3. Anh Phan Hữu C.
4. Anh Phan Hữu D (T2).
5. Chị Nguyễn Thị Hoài Nh.

Cùng cư trú tại: Thôn Thọ L 1, xã Nhơn Th, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- **Người kháng cáo:** Ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 383, tờ bản đồ số 5, diện tích 294m² tại thôn Thọ L 1, xã Nhơn Th, thị xã A, tỉnh Bình Định, trên đất có ngôi nhà cấp 4 do ông đang sử dụng là di sản thừa kế của cha ông (cụ Trương H2) để lại. Liên hệ với thửa đất của ông là thửa đất của gia đình ông Phan Hữu T. Phía Đông thửa đất của ông và ông T trước kia là hàng rào cây sống. Khoảng năm 2011-2012, gia đình ông T phá hàng rào cây sống ở ½ ranh giới phía Đông Bắc thửa đất của ông để xây dựng tường rào, ông có báo cáo chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương đã lập biên bản xác định ông T xây dựng không lấn sang phần đất của ông. Riêng ½ ranh giới phía Đông Nam vẫn giữ nguyên.

Khoảng tháng 4/2019, gia đình ông T chuẩn bị xây dựng nhà và đề nghị gia đình ông cho xe đi vào vườn đất của ông ở phía Đông Nam để qua

phần đất của ông T đổ vật liệu xây dựng. Sau khi xây dựng nhà chính xong, gia đình ông T tiếp tục xây dựng nhà bếp, công trình phụ ngay tại vị trí giáp ranh ở phía Đông Nam của thửa đất đã lấn sang phần đất của ông. Việc ông T xây dựng công trình đã thu hẹp chiều rộng thửa đất của ông ở phía Đông Nam còn 5,6m (thiếu 1,4m) so với sổ giao quyền; chiều dài 13,5m. Ông yêu cầu gia đình ông T tháo dỡ một góc công trình phụ trả lại đúng diện tích đất theo sổ giao quyền cho ông. Diện tích đất gia đình ông T xây dựng công trình phụ lấn sang phần đất của gia đình ông ở phía Đông Nam là 9,8m². Khi nhà nước nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 19 có thu hồi của gia đình ông một phần đất còn cụ thể bao nhiêu không rõ, gia đình ông được bồi thường 20.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 382, tờ bản đồ số 5, diện tích 592m² tại thôn Thọ L 1, xã Nhơn Th, thị xã A, tỉnh Bình Định là do gia đình bà đầu giá của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Th (UBND) vào năm 1983. Chiều rộng không rõ, chiều dài khoảng 20m. Sau khi đầu giá gia đình bà xây dựng ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 200m². Năm 1996, gia đình bà chuyển nhượng cho ông T2 chiều rộng 05m, chiều dài theo thửa đất. Sau khi chuyển nhượng cho ông T2 gia đình bà làm thủ tục và được UBND huyện A (nay là UBND thị xã A) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 1265QSDĐ/I14 ngày 29/6/1996.

Ranh giới đất của gia đình bà và ông Trương L phía trước từ Quốc lộ 19 trở vào Nam 20m là hàng rào cây sống, tiếp theo gia đình bà xây dựng tường rào bằng gạch (năm nào bà không nhớ). Tháng 6/2019, gia đình bà tháo dỡ nhà cũ xây dựng lại ngôi nhà mới trên nền móng cũ. Sau khi xây dựng nhà, gia đình bà tháo dỡ phần tường rào ở phía Tây giáp đất ông Trương L để xây dựng lại chuồng heo, nhà chứa đồ (củi) trên nền móng cũ. Bà xác định gia đình bà không lấn chiếm đất ông Trương L nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L.

Năm 2015, khi Nhà nước nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 19 có thu hồi của gia đình bà 25,7m² đất.

Anh Phan Hữu D là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Hữu T: Thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phan Hữu T1, anh Phan Hữu L1, anh Phan Hữu C và anh Phan Hữu D: Thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị H.

- Chị Nguyễn Thị Hoài Nh trình bày: Chị là vợ của anh Lê Đình Thi H3 (anh H3 chết tháng 02/2017). Tháng 3/1996, vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị H ngôi nhà có diện tích 220m² (5,5 m x 40 m). Tháng 3/2011, vợ chồng chị được UBND huyện

A cấp GCNQSDĐ thửa đất số 2227, diện tích 182m² (ít hơn so với diện tích lúc mua 38m² ở phía sau nhà). Vợ chồng chị không có ý kiến gì vì vợ chồng ông T bà H là bà con.

Bản án số 09/2020/DS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A đã xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trương L buộc hộ gia đình ông Phan Hữu T phải tháo dỡ một phần móng, tường của công trình phụ ở góc Tây Nam, giáp ranh với góc Đông Nam thửa đất của ông L để trả cho ông Lợi 8,4m² đất thừa trong 10,6m² đất đang tranh chấp là có căn cứ. Đất có hình tam giác chiều rộng (đáy) 1,22m chiều dài (cao) là 13,75m. (Có sơ đồ nhà đất kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03/12/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị H và anh Phan Hữu D là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Hữu T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị H; sửa bản án sơ thẩm. Buộc vợ chồng ông T, bà H phải tháo dỡ tài sản trên đất trả lại cho ông Trương L 13,2m² đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Phan Hữu T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Nguồn gốc thửa đất 382, tờ bản đồ số 5, tại thôn Thọ L 1, xã Nhơn Th, thị xã A, tỉnh Bình Định là do vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Phan Hữu T đấu giá của UBND xã Nhơn Th vào năm 1982. Theo Sổ mục kê ruộng đất của UBND xã Nhơn Th lập ngày 14/4/1983, tại trang số 30, tờ bản đồ số 7 ghi rõ: Thửa số 814, tên chủ sử dụng đất là ông Phan Hữu T.

Sau khi đấu giá, vợ chồng bà H, ông T xây dựng ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 200m². Năm 1996, vợ chồng bà H chuyển nhượng cho ông T2 một phần đất có chiều rộng 05m, chiều dài theo thửa đất. Sau khi chuyển nhượng cho ông T2, vợ chồng bà H làm thủ tục và được UBND huyện A (nay là UBND thị xã A) cấp GCNQSDĐ số 1265QSDĐ/I14 ngày 29/6/1996, diện tích 592m² (trong đó có 200m² đất ở, 392m² đất vườn). Tháng 3/1996, vợ chồng bà H chuyển nhượng cho vợ chồng anh Lê Đình Thi H3, chị Nguyễn Thị Hoài Nh ngôi nhà diện tích 220m² (5,5m x 40m). Tháng 3/2011,

vợ chồng chị Nhon được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ thửa đất số 2227, diện tích 182m².

[2] Nguồn gốc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5 tại thôn Thọ L 1, xã Nhon Th, huyện A là của Tổ Hợp tác xây dựng cơ bản Nhon Th bán cho cụ Trương H2 (cha ông Trương L) theo Giấy bán nhà ngày 01/02/1991 với nội dung: "... ngôi nhà 02 căn diện tích 36m² nhà cấp 4 dùng làm cơ sở ở và giao dịch trên diện tích 420m² Đông giáp nhà ở ông Phan Hữu T, Tây giáp nhà ở ông Lưu Đình K, Bắc giáp quốc lộ 19, Nam giáp ruộng sản xuất của xã Nhon Th... Thống nhất bán một nửa ngôi nhà nói trên cho bên mua: Ông Trương H2... Diện tích nhà bán là 18 m² trên lô đất số 1 Đông giáp nhà ở ông Phan Hữu T, Tây giáp lô số 2 Nam giáp ruộng sản xuất xã Nhon Th, Bắc giáp quốc lộ 19 trên diện tích lô 1 là 210 m²". Việc mua bán có xác nhận của UBND xã Nhon Th. Ngày 10/7/1993, cụ Trương H2 được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, diện tích 294 m² (đất ở: 200m², đất vườn: 94m²).

[3] Thửa đất số 383 của cụ Trương H2 liền kề với thửa đất số 382 của vợ chồng bà H. Cụ Trương H2 là người đến ở trên thửa đất sau khi vợ chồng ông T xây nhà trên thửa đất số 382. Trước đó, Tổ Hợp tác xây dựng cơ bản Nhon Th gồm các ông Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Mạnh Tr và Phan Minh Kh đều không có tranh chấp với vợ chồng ông T, bà H. Khi cụ H2 còn sống đến khi cụ H2 chết (năm 2011), sau đó ông Trương L tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 383 đều không xảy ra tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất.

Theo ông L, khoảng tháng 4/2019, gia đình bà H chuẩn bị xây dựng nhà và đề nghị gia đình ông cho xe đi vào vườn đất của ông ở phía Đông Nam để qua phần đất của ông T đổ vật liệu xây dựng. Sau khi xây dựng nhà chính xong, gia đình ông T tiếp tục xây dựng nhà bếp, công trình phụ ngay tại vị trí giáp ranh ở phía Đông Nam của thửa đất đã lấn sang phần đất của ông. Việc ông T xây dựng công trình đã thu hẹp chiều rộng thửa đất của ông ở phía Đông Nam còn 5,6m (thiếu 1,4m) so với sổ giao quyền; chiều dài 13,5m. Ông yêu cầu gia đình ông T tháo dỡ một góc công trình phụ trả lại đúng diện tích đất theo sổ giao quyền cho ông. Vợ chồng bà H, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L vì theo vợ chồng bà H, vào tháng 6/2019, gia đình bà tháo dỡ nhà cũ (do nhà cũ xây dựng đã quá lâu lại bị lũ lụt nên vách tường bị hư hỏng) để xây dựng lại ngôi nhà mới nhưng xây dựng trên nền móng cũ. Sau khi xây dựng nhà, gia đình bà tháo dỡ phần tường rào ở phía Tây giáp đất ông Trương L để xây dựng lại chuồng heo, nhà chứa đồ (củi) nhưng vẫn xây trên nền móng cũ. Những người thợ xây mà gia đình bà H đã thuê mướn như: anh Hồ Văn Hậu, anh Phạm Quốc D1, chị Nguyễn Thị Thanh Th và ông Lê Quyết D2 hiện những người này đều cư trú tại thôn Thọ L 1, xã Nhon Th. Lời khai của anh Hồ Văn H4, anh Phạm Quốc D1, chị Nguyễn Thị Thanh Th, chị Đỗ Thị H5 và ông Lê Quyết D2 đều khẳng định

rằng việc xây dựng lại vách tường ngay trên nền móng nhà cũ của ông T đã có từ lâu, không tháo gỡ móng nhà cũ.

Tại Thông báo số 58/TB-UBND ngày 19/7/2020 của UBND xã Nhơn Th về Kết luận Hòa giải của ông Phan Hữu Ph – Phó Chủ tịch UBND xã Nhơn Th tại buổi hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất tại xóm Thọ Phú Tr, thôn Thọ L 1 giữa hộ ông Trương L với hộ ông Phan Hữu T đã kết luận như sau: “về quyền sử dụng đất của các bên đang xảy ra tranh chấp, đều được Nhà nước cấp GCNQSDĐ và sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng; trên thực tế thì Tổ công tác của xã đã kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của ông Trương L và hộ ông Phan Hữu T thì mỗi bên đều bị thiếu đất so với GCNQSDĐ đã cấp trước kia. Cụ thể là: Ông Trương L bị thiếu $8,75\text{m}^2$, hộ ông Phan Hữu T bị thiếu $57,4\text{m}^2$ so với GCNQSDĐ đã cấp; việc mỗi bên đều bị thiếu diện tích là do sai số đo đạc trước kia, không có cơ sở để khẳng định hộ ông Phan Hữu T lấn đất của ông Trương L. Mặt khác, tại vách phía Tây chuồng heo nhà ông Phan Hữu T đã không tiến hành xây mới mà vẫn giữ nguyên vách tường phía Tây để sửa chữa lại”.

Theo Sơ đồ hiện trạng nhà và đất lập ngày 21/2/2020, thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5 của ông L có diện tích theo hiện trạng là $281,7\text{m}^2$ (thiếu $12,3\text{m}^2$ so với GCNQSDĐ); thửa đất số 382 của vợ chồng ông T có diện tích theo GCNQSDĐ là $384,3\text{m}^2$ (đã trừ $25,7\text{m}^2$ đất thu hồi mở rộng quốc lộ 19 và 182m^2 chuyển nhượng cho anh Lê Đình Thi H3), diện tích theo hiện trạng $354,7\text{m}^2$ (bao gồm diện tích đất tranh chấp $10,6\text{m}^2$) nên diện tích chênh lệch giảm là $29,6\text{m}^2$; thửa đất số 2227, tờ bản đồ số 5 của anh H3, diện tích theo GCNQSDĐ là 182m^2 , diện tích theo hiện trạng là $189,2\text{m}^2$, chênh lệch tăng $7,2\text{m}^2$.

Còn theo Trích đo địa chính khu đất lập ngày 16/4/2021, thửa 383 của ông Lợi có diện tích $290,5\text{m}^2$, thửa số 282 của ông T có diện tích $371,6\text{m}^2$ (trong đó phần diện tích đang tranh chấp là $13,2\text{m}^2$); thửa 2227 diện tích $190,5\text{m}^2$.

Ông Trương L cho rằng diện tích đất của ông đo theo hiện trạng chỉ có $190,5\text{m}^2$ nên bị thiếu $3,5\text{m}^2$ (so với diện tích được cấp theo GCNQSDĐ là 194m^2). Diện tích đất bị thiếu là do gia đình ông T lấn chiếm. Tuy nhiên, nếu cộng diện tích đang tranh chấp mà ông L cho rằng gia đình ông T lấn chiếm của ông là $13,2\text{m}^2$ với diện tích hiện ông L đang quản lý là $190,5\text{m}^2$ thì tổng diện tích là $203,7\text{m}^2$ chênh lệch thừa $9,7\text{m}^2$.

Gia đình ông T, bà H đã xây dựng nhà ở và các công trình khác trên đất từ năm 1983, đã sử dụng ổn định gần 40 năm, không ai tranh chấp. Ông L là người được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 383 của cụ Trương H2 từ năm 2011.

Từ những phân tích tại [1], [2] và [3], có cơ sở để xác định rằng gia đình ông T, bà H đã xây dựng nhà ở và các công trình khác trên đất từ năm

1983, đã sử dụng ổn định gần 40 năm, không ai tranh chấp. Ông L là người được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 383 của cụ Trương H2 từ năm 2011. Vợ chồng ông T, bà H không lấn chiếm đất thuộc thửa đất số 383 của ông L nên việc ông L căn cứ vào diện tích đất ghi trong GCNQSDĐ do UBND huyện A cấp cho cụ Trương H2 vào năm 1993 và cấp cho ông vào năm 2011 để cho rằng vợ chồng ông T lấn đất của ông khi xây dựng vách tường phía Tây chuồng heo nhà ông T là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương L.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số 326), ông L được miễn toàn bộ án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326, vợ chồng ông T, bà H không phải chịu.

[6] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 17.000.000 đồng, ông Trương L phải chịu. Ông L đã tạm ứng 2.000.000 đồng, bà H đã tạm ứng 15.000.000 đồng nên ông L phải hoàn lại cho vợ chồng bà H 15.000.000 đồng.

[7] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị H phát biểu quan điểm pháp lý đề nghị: Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương L là phù hợp với nhận định của Tòa.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị H; sửa bản án sơ thẩm. Buộc vợ chồng ông T, bà H phải tháo dỡ tài sản trên đất trả lại cho ông Trương L 13,2m² đất là không phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 174, 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 Luật Đất đai năm 2013. Chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị H; Sửa bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương L buộc vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ vách tường phía Tây chuồng heo nhà ông T để trả lại đúng diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện A (nay là thị xã A) đã cấp cho ông vào ngày 11/8/2011.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương L được miễn toàn bộ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Trương L phải chịu 17.000.000 đồng. Ông Trương L đã tạm ứng 2.000.000 đồng, bà H đã tạm ứng 15.000.000 đồng nên ông L phải hoàn lại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H 15.000.000 đồng.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TX. A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Tuấn Anh